

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN X
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 30-01-2023

“V/v Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN X - TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Phượng

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Mạnh Quyết

2. Ông Trần Văn Nhị

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Nhân- Thư ký Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Long An.

Ngày 30 tháng 01 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện X xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 320/2022/TLST-HNGĐ, ngày 07/11/2022 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:111/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 19/12/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Kim Ch, sinh năm 2000. Địa chỉ: Ấp BM, xã ML, huyện X, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* Ông Lê Huỳnh C, sinh năm 1996. Địa chỉ: Ấp 5, xã MT, huyện X, tỉnh Long An.

(Bà Ch có đơn xin xét xử vắng mặt. Ông C vắng mặt.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn bà Trần Thị Kim Ch trong suốt quá trình giải quyết vụ án có nội dung như sau:*

Bà và ông C kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MT ngày 10/02/2020. Hai năm nay, cuộc sống giữa bà và ông C không đầm ấm, không hạnh phúc, tư tưởng giữa hai người không như nhau. Mỗi người có suy nghĩ riêng, mâu thuẫn ngày càng lớn dần. Ông C thường xuyên đi ăn chơi, cờ bạc, trai gái, có khi đi suốt đêm không về. Khi về, thì ông kiếm chuyện gây hấn với bà. Ông C còn hành hung, đánh đập bà.

Trước khi bà nộp đơn khởi kiện vài ngày, ông C đi chơi về gây hấn, đánh đập bà lúc nửa đêm. Không thể dần lòng được, bà đã bông bế con thơ về nhà cha mẹ ruột ở đến nay. Thương con còn quá nhỏ, thời gian qua, bà đã cố gắng chịu

đựng, nhẫn nhục, nhưng nay đã quá sức chịu đựng. Nhận thấy cuộc hôn nhân không được như ý. Nay bà yêu cầu xin ly hôn với ông C.

Về con chung: Bà và ông C có 01 con chung tên Lê Hoàng M, sinh ngày 27/5/2021. Khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi dưỡng Lê Hoàng M và ông C phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về nợ chung và tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Lê Huỳnh C trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng vẫn vắng mặt, không làm bản tự khai, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không cung cấp bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào và không có văn bản ý kiến phản hồi hay yêu cầu gì đối với việc khởi kiện của bà Ch, cũng như vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Tòa án tiến hành thụ lý vụ án, hòa giải nhưng không được do bị đơn vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Bà Trần Thị Kim Ch nộp đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Lê Huỳnh C. Căn cứ nơi cư trú của bị đơn, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện X theo quy định tại Điều 28 và Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Trần Thị Kim Ch có đơn xin xét xử vắng mặt. Ông Lê Huỳnh C vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để xét xử nên Tòa án giải quyết vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nội dung:

Ông Lê Huỳnh C vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà Ch. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”.

Căn cứ lời trình bày của bà Ch và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án xác định như sau:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Hội đồng xét xử nhận thấy, bà Ch và ông C được pháp luật công nhận là vợ chồng. Hôn nhân của ông bà đã không có tiếng nói chung, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nay bà Ch vẫn kiên quyết xin ly hôn. Ông C không đưa ra được giải pháp hàn gắn hôn nhân và vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án thể hiện ông C không có thiện chí hàn gắn hôn nhân với bà Ch. Như vậy, có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn giữa hai bên là trầm

trọng nên yêu cầu xin ly hôn của bà Ch là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về nuôi con chung:

Bà Ch xác định bà và ông C có 01 con chung tên Lê Hoàng M, sinh ngày 27/5/2021. Khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi dưỡng Lê Hoàng M và ông C phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Hội đồng xét xử xét thấy, cháu Lê Hoàng M sinh ngày 27/5/2021 là chưa đủ 36 tháng tuổi. Căn cứ theo khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình “....Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, ...” nên yêu cầu của bà Ch là có căn cứ chấp nhận. Giao Lê Hoàng M cho bà Ch nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông C không trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình. Cháu Lê Hoàng M còn rất nhỏ, các chi phí cơ bản để đảm bảo cho cuộc sống của cháu rất lớn. Bà Ch yêu cầu ông C phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng là có cơ sở nên được chấp nhận, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 02/2023 cho đến khi con chung Lê Hoàng M đủ 18 tuổi.

Mặc dù không trực tiếp nuôi dưỡng con chung, nhưng ông C được quyền đến thăm, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con chung thì cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình có quyền làm đơn yêu cầu xin thay đổi người trực tiếp nuôi con; mức cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về nợ chung: Cho đến nay không có ai khởi kiện về việc nợ chung của vợ chồng bà Ch và ông C nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết trong vụ án này, nếu sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

[2.4] Về tài sản chung: Trong vụ án này, bà Ch và ông C không ai yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

Từ các phân tích trên, yêu cầu khởi kiện của bà Ch là có căn cứ chấp nhận toàn bộ.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà Ch phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn. Ông C phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83, 84, 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kim Ch về việc “Ly hôn” đối với ông Lê Huỳnh C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Kim Ch được ly hôn với ông Lê Huỳnh C.

2. Về con chung: Bà Trần Thị Kim Ch và ông Lê Huỳnh C có 01 con chung Lê Hoàng M, sinh ngày 27/5/2021.

Giao Lê Hoàng M cho bà Trần Thị Kim Ch nuôi dưỡng. Ông Lê Huỳnh C phải cấp dưỡng nuôi Lê Hoàng M mỗi tháng 1.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 02/2023 cho đến khi Lê Hoàng M đủ 18 tuổi.

Mặc dù không trực tiếp nuôi dưỡng con chung, nhưng ông Lê Huỳnh C được quyền đến thăm, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con chung thì cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình có quyền làm đơn yêu cầu xin thay đổi người trực tiếp nuôi con; mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí:

Bà Trần Thị Kim Ch phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002738, ngày 07/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An. Bà Trần Thị Kim Ch đã nộp đủ án phí.

Ông Lê Huỳnh C phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Án xử sơ thẩm, các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện X;
- CCTHADS huyện X;
- Các đương sự;
- UBND xã MT;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Lê Thị Mỹ Phượng